

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 129/2018/DS-ST
Ngày: 19/12/2018
V/v: “T/c Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Công Danh – Cán bộ hưu trí
2. Bà Thiều Thị Phi Loan – Cán bộ hưu trí

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Trần Ngọc Phương Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Thế Anh – Kiểm sát viên.

Trong 19 tháng 12 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B – tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 597/2017/TLST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2017 về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 173/2018/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Châu Thị H**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Tổ 3, ấp Suối Q, xã Cẩm Đường, huyện L, Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lý Ngọc T**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Tổ 2, khu phố 4, phường E, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (Giấy ủy quyền ngày 06/11/2017)

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1986.

Bà Quách Thị Th, sinh năm 1989.

Cùng địa chỉ: 93 tổ 17, khu phố 6, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Ông T, bà H có mặt, bà Th, ông D vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/11/2017 của nguyên đơn, bản tự khai và tại các buổi hòa giải ông Lý Ngọc T là người đại diện theo ủy quyền của bà Châu Thị H trình bày: Do chỗ quen biết làm ăn nên bà H có cho ông D và bà Th vay 02 lần với tổng số tiền 2.000.000.000đ mà cụ thể như sau: Ngày 24/5/2017 bà H cho ông D, bà Th vay số tiền 1.500.000.000đ, thời hạn vay là 02 tháng, không tính lãi suất; Ngày 01/8/2017 bà H cho ông D, bà Th vay số tiền 500.000.000đ, thời hạn vay 01 tháng, không tính lãi suất. Tuy nhiên, cả 02 lần vay tiền đều đến hạn trả nợ nhưng ông D, bà Th không trả được nợ. Nhiều lần, bà H đã nhắc nhở và yêu cầu ông D, bà Th trả nợ nhưng ông D, bà Th cứ khất lần mà không thực hiện việc trả nợ cho bà. Nay bà H yêu cầu Tòa án tuyên buộc ông D, bà Th phải trả cho bà

H tổng số tiền nợ gốc của 02 lần vay là 2.000.000.000đ và tiền lãi của 02 lần vay theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước công bố là 56.500.000đ. Cụ thể lãi suất của giấy vay ngày 24/5/2017 là từ ngày 24/7/2017 đến hết ngày 24/10/2017 là 03 tháng ($1,13\% \times 1.500.000.000đ \times 03 \text{ tháng} = 50.850.000đ$); lãi suất của giấy vay 01/8/2017, từ ngày 01/9/2017 đến hết ngày 01/10/2017 là 01 tháng ($1,13\% \times 500.000.000đ \times 01 \text{ tháng} = 5.650.000đ$).

Tại phiên tòa bà H có ý kiến thay đổi yêu cầu khởi kiện với nội dung, bà H chỉ yêu cầu mình ông D có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi cho bà H mà không yêu cầu bà Th phải trả. Thay đổi về yêu cầu tính lãi, theo yêu cầu khởi kiện ban đầu thì bà H yêu cầu tính lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước quy định với tổng số tiền lãi là 56.500.000. Tại phiên tòa thay đổi theo mức lãi suất theo quy định của pháp luật và thay đổi về thời gian tính lãi suất với giấy vay ngày 24/5/2017 là 16 tháng tính từ ngày 24/7/2017 đến ngày 19/12/2018 (ngày xét xử sơ thẩm), giấy vay ngày 01/8/2017 là 14 tháng tính từ ngày 01/9/2017 đến ngày 19/12/2018 (ngày xét xử sơ thẩm).

Tại văn bản nêu ý kiến ngày 25/12/2017 của bị đơn ông Nguyễn Văn D trình bày: Vào khoảng tháng 3 năm 2017 ông có vay của bà H số tiền 2.000.000.000đ, thỏa thuận miệng lãi suất là 5%/tháng. Tổng cộng tiền lãi ông đã trả cho bà Hạnh là 400.000.000đ. Nay do làm ăn thua lỗ và hiện nay nhiều người đang nợ tiền ông nhưng không trả nên ông chưa có khả năng trả nợ cho bà H. Nay ông đề nghị bà H cho ông thời gian để ông đi đòi nợ và đi làm kiếm tiền trả nợ cho bà H. Ngoài ra, ông D còn đề nghị bà H không tính lãi suất và trừ 400.000.000đ là số tiền mà ông đã trả lãi cho bà H trước đây vào số tiền mà ông còn nợ bà H.

Tại văn bản nêu ý kiến ngày 05/01/2018 và bản tự khai của bà Quách Thị Th trình bày: Bà và ông D kết hôn năm 2011 đến tháng 11/2017 thì bà và ông D ly hôn nhau theo Quyết định thuận tình ly hôn của Tòa án nhân dân thành phố B, theo bà Th trong hồ sơ ly hôn thì không có nợ chung. Trong quá trình chung sống cùng nhau nhưng việc làm ăn và vay nợ của ông D bà hoàn toàn không biết gì. Ông D từng là phó giám đốc phòng giao dịch An Phước thuộc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh B. Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay với khách hàng. Vì khách hàng không trả được những khoản nợ đã vay của khách hàng. Do đó, ông D đã tự ý vay tiền ngoài của một số người trong đó có bà Châu Thị H với số tiền 2.000.000.000đ vào năm 2017. Sự việc vay nợ của ông D bà hoàn toàn không biết gì. Đến khi bà nhận được giấy triệu tập của Tòa án về khoản nợ vay của bà H thì bà mới hỏi ông D và ông D mới nói cho bà biết. Nay bà H khởi kiện yêu cầu bà và ông D cùng trả cho bà H số tiền 2.000.000.000đ và lãi suất thì bà không đồng ý vì bà không biết gì về số nợ này, không ký tên vào bất kỳ giấy tờ, tài liệu nào liên quan đến các khoản vay của ông D. Bà yêu cầu Tòa án tiến hành giám định chữ ký và chữ viết tên Quách Thị Th trong giấy vay tiền ngày 14/5/2017 và ngày 01/8/2017. Sau khi có kết quả giám định thì bà đề nghị giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố

tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Theo yêu cầu khởi kiện ban đầu bà H yêu cầu ông D, bà Th phải trả toàn bộ tiền gốc và lãi với số tiền là 2.000.000.000đ và tiền lãi của 02 lần vay theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước công bố là 56.500.000đ. Tại phiên tòa bà H có ý kiến thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu mình ông D có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi cho bà H mà không yêu cầu bà Th phải trả, đối với thay đổi này không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Thay đổi về mức tính lãi, thời gian tính lãi suất đối với giấy vay ngày 24/5/2017 là 16 tháng tính từ ngày 24/7/2017 đến ngày 19/12/2018 (ngày xét xử sơ thẩm), giấy vay ngày 01/8/2017 là 14 tháng tính từ ngày 01/9/2017 đến ngày 19/12/2018 (ngày xét xử sơ thẩm). Đối với thay đổi về mức tính lãi suất, thời gian tính lãi suất là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận. Đối với yêu cầu áp dụng mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước quy định. Tuy nhiên, bà Hạnh lại cho rằng mức lãi suất này là 1,13%/tháng. Trong khi đó, mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước quy định là 9%/năm (0,75%/tháng) đề nghị Hội đồng xét xử điều chỉnh lại mức lãi suất theo đúng quy định Ngân hàng Nhà nước công bố. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Châu Thị H, buộc ông Nguyễn Văn D có trách nhiệm trả cho bà Châu Thị H số nợ gốc là 2.000.000.000đ và lãi suất theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về và quan hệ pháp luật, tư cách đương sự: Bà Châu Thị H khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn D và bà Quách Thị Th phải trả cho bà H số tiền nợ gốc đã vay là 2.000.000.000đ và lãi suất theo mức lãi suất Ngân hàng Nhà nước công bố nên căn cứ vào Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định bà Châu Thị H là nguyên đơn, ông Nguyễn Văn D, bà Quách Thị Th là bị đơn trong vụ án.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông D, bà Th hiện đang sinh sống tại thành phố B, tỉnh Đồng Nai căn cứ vào Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

[3] Về thủ tục tố tụng khác:

- Ông Nguyễn Văn D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, bà Th có đơn xin vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông D, bà Th.

- Tại phiên tòa bà H có ý kiến thay đổi yêu cầu khởi kiện với nội dung, bà H không yêu cầu bà Th phải trả số tiền mà bà H đã cho ông D vay. Đối với yêu cầu này của nguyên đơn tại phiên tòa không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Đối với yêu cầu về lãi chậm trả tại đơn khởi kiện ngày 15/11/2017, bản tự khai cho đến trước buổi tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về lãi chậm trả theo đó nguyên đơn yêu cầu ông D phải trả tổng số tiền lãi là 56.500.000đ theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước công bố. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà H thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện. Theo đó, bà H yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật và thay đổi về thời gian tính lãi suất với giấy vay ngày 24/5/2017 là 16 tháng tính từ ngày 24/7/2017 đến ngày 19/12/2018 (ngày xét xử sơ thẩm), giấy vay ngày 01/8/2017 là 14 tháng tính từ ngày 01/9/2017 đến ngày 19/12/2018 (ngày xét xử sơ thẩm). Xét yêu cầu này là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử không chấp nhận xem xét việc thay đổi này.

[4] Về nội dung: Bà H khởi kiện yêu cầu ông D phải trả số tiền 2.000.000.000đ theo giấy vay tiền ngày 24/5/2017 và giấy vay tiền ngày 01/8/2017 (khi cho vay không tính lãi) và lãi suất theo mức lãi suất Ngân hàng Nhà nước với số tiền là 56.500.000đ (Cụ thể lãi suất lần thứ nhất từ ngày 24/7/2017 đến hết ngày 24/10/2017 là 03 tháng $(1.13\%/tháng \times 1.500.000.000đ \times 03 \text{ tháng} = 50.850.000đ)$; lần thứ 2 từ ngày 01/9/2017 đến hết ngày 01/10/2017 là 01 tháng $(1.13\%/tháng \times 500.000.000đ \times 01 \text{ tháng} = 5.650.000đ)$). Đồng thời, bà H cung cấp các chứng cứ chứng minh việc ông Duy có vay bà H số tiền 2.000.000.000đ là các giấy vay tiền ngày 24/5/2017 và giấy vay tiền ngày 01/8/2017 có chữ ký và chữ viết của ông D, sự thừa nhận nợ của ông D. Tuy nhiên, việc bà H cho rằng mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố là 1,13%/tháng là không đúng, cao hơn so với quy định tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN, ngày 29 tháng 11 năm 2010 (9%/năm) của Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam nên Hội đồng xét xử điều chỉnh lại cho phù hợp. Cụ thể, lãi suất như sau: Đối với giấy vay ngày 24/5/2017, thời hạn vay là 02 tháng, thời gian tính lãi là 24/7/2017 đến hết ngày 24/10/2017 là 03 tháng $(0,75\%/tháng \times 1.500.000.000đ \times 03 \text{ tháng}) = 33.750.000đ$; Đối với giấy vay ngày 01/8/2017, thời hạn vay là 01 tháng, từ ngày 01/9/2017 đến hết ngày 01/10/2017 là 01 tháng $(0,75\%/tháng \times 500.000.000đ \times 01 \text{ tháng}) = 3.750.000đ$. Tổng cộng, ông D phải trả cho bà H số tiền lãi suất là 37.500.000đ.

[4.1] Đối với ông D thì cho rằng ông có vay của bà H số tiền 2.000.000.000đ, lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng, ông đã trả cho bà H được 400.000.000đ, ông đề nghị bà H cho ông thời gian để ông đi làm kiếm tiền trả nợ cho bà Hạnh. Ngoài ra, ông D còn đề nghị bà H không tính lãi suất và trừ 400.000.000đ là số tiền mà ông đã trả lãi cho bà H trước đây vào số tiền mà ông còn nợ bà H.

[4.2] Đối với lời khai của bà Th cho rằng việc ông D vay tiền của bà H bà không biết, ông D cũng không nói cho bà biết, chữ ký và chữ viết tại các giấy vay tiền giữa ông D và bà H không phải là chữ ký và chữ viết của bà. Bà đề nghị, Tòa án tiến hành giám định chữ ký và chữ viết trong các giấy vay tiền này. Nay bà H yêu cầu bà phải có trách nhiệm cùng ông D trả số tiền này cho bà H.

[4.3] Xét yêu cầu khởi kiện và lời khai của các bên có đủ cơ sở khẳng định yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ chấp nhận một phần, bởi lẽ: Nghĩa vụ chứng minh là của đương sự, ông D khai giữa ông và bà H có thỏa thuận lãi suất

5%/tháng và ông đã trả cho bà H được 400.000.000đ nhưng không cung cấp được chứng minh cho lời khai của mình là có căn cứ, lời khai này cũng không được bà H thừa nhận. Mặt khác, lời khai của bà H là phù hợp với giấy vay tiền 24/5/2017 và giấy vay tiền ngày 01/8/2017. Đối với đề nghị của ông D về việc bà Hạnh không tính lãi suất với số tiền còn lại ông nợ bà Hạnh và đề nghị bà Hạnh cho ông thời gian để trả nợ dần cho bà H không được bà Hạnh chấp nhận nên không có cơ sở xem xét. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần tổng đạt giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác đề nghị ông D lên tòa làm việc. Tuy nhiên, ông D không lên tòa bất kỳ lần nào là không thực hiện đúng nghĩa vụ của bị đơn, bỏ mặc Tòa án giải quyết việc tranh chấp giữa ông và bà H. Đối với việc bà Th cho rằng chữ ký và chữ viết Quách Thị Thuận trong các giấy vay tiền 24/5/2017 và giấy vay tiền ngày 01/8/2017 là có cơ sở. Bởi theo kết luận giám định số 470/KLGĐ, ngày 19/10/2018 thì chữ ký và chữ viết Quách Thị Th trong các giấy vay tiền 24/5/2017, 01/8/2017 không do cùng một người ký và viết tên.

[5] Về chi phí giám định: Theo kết quả giám định tại kết luận giám định số 470 ngày 19/10/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai xác định chữ ký và chữ viết mang tên Quách Thị Th trên các giấy vay tiền ngày 24/5/2017 và giấy vay tiền ngày 01/8/2017 không phải do cùng một người ký và viết ra. Tại đơn khởi kiện bà H yêu cầu bà Th phải có trách nhiệm cùng ông D trả tổng số tiền nợ là 2.056.5000.000đ, mặc dù tại phiên tòa bà H đã thay đổi yêu cầu khởi kiện không yêu cầu bà Th phải trả số tiền này nhưng bà H vẫn phải chịu chi phí giám định số tiền là 2.835.000đ và có trách nhiệm trả cho bà Th số tiền này.

[6] Về án phí: Ông Nguyễn Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà H phải chịu án phí sơ thẩm là 950.000đ phần không được chấp nhận về lãi suất (56.500.000đ – 37.500.000đ = 19.000.000đ), bà H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B sau khi trừ đi án phí phải chịu.

[7] Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa phù hợp với các chứng cứ có tại hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, 68, Điều 147; Điều 203, Điều 220, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng vào Điều 119; 463; 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Châu Thị H đối với bị đơn ông Nguyễn Văn D đối về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Nguyễn Văn D phải trả cho bà Châu Thị H tổng số tiền là 2.037.500.000đ, Trong đó, nợ gốc là 2.000.000.000đ, nợ lãi là 37.500.000đ.

Về chi phí giám định: Bà H phải chịu chi phí giám định chữ ký và chữ viết số tiền là 2.835.000đ và có trách nhiệm thanh toán lại cho bà Th số tiền này.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn D phải chịu 72.750.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà H phải chịu án phí phần không được chấp nhận là 950.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 003446, ngày 20/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B. Bà H được nhận lại số tiền 35.615.000đ án phí còn dư.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố B;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thành phố B
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Đào